

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2024
(THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT- BGDDT)

1. Công khai dự toán thu chi 06 tháng đầu năm 2024

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2024
1	2	3	4
	Dự toán năm trước chuyển sang	125.418.928	
	Dự toán giao	21.571.800.000	
	Dự toán bổ sung	0	
	Dự toán thu	21.697.218.928	
	Tổng chi (I+II)		12.639.381.892
I	Kinh phí thường xuyên/tự chủ		9.261.374.892
	Tiền lương		3.465.256.952
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		135.447.240
	Phụ cấp lương		4.305.807.071
	Các khoản đóng góp		983.044.124
	Thanh toán dịch vụ công cộng		137.376.302
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		18.451.753
	Công tác phí		30.733.750
	Chi phí thuê mướn		12.800.300
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		9.000.000
	Vật tư văn phòng khác		1.900.000
	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		122.018.000
	Chi khác		39.114.000
	Chi cho công tác Đảng		425.400
II	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		3.378.007.000
	Học bổng học sinh		3.144.150.000
	Công tác phí		59.750.000
	Chi phí thuê mướn		31.808.000

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2024
	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		83.499.000
	Chi trợ cấp Tết nguyên đán		58.800.000

2. Công khai dự toán thu chi năm 2024 (tính đến 31/12/2024)

2.1. Nguồn ngân sách

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Dự toán năm trước chuyển sang	125.418.928	
Dự toán giao	24.707.650.000	
Dự toán bổ sung	2.192.399.000	
Dự toán thu	27.025.467.928	
Tổng chi (I+II)		26.872.328.341
I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ		22.133.983.928
Tiền lương		7.746.161.357
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		279.924.360
Phụ cấp lương		9.099.126.397
Các khoản đóng góp (theo lương)		2.244.895.336
Tiền thưởng		164.034.000
Chi lập các quỹ		905.479.710
Thanh toán dịch vụ công cộng		191.612.596
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		24.116.002
Công tác phí		181.623.250
Chi phí thuê mướn		27.573.100
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		9.000.000
Vật tư văn phòng		28.399.016
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		1.138.072.504
Chi công tác Đảng		49.189.600
Chi khác		44.776.700
II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		4.738.344.413
Học bổng học sinh		3.144.150.000
Tiền thưởng theo NĐ 73		452.831.537
Công tác phí		155.275.000
Chi phí thuê mướn		84.808.000

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		664.377.076
Chi khác (tiền tết)		58.800.000
Mua sắm bàn ghế		178.102.800
Kinh phí giảm trong năm		153.139.587
Dự toán bị hủy (kinh phí thường xuyên)		72.000.000
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		77.547.200
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		1.389.924
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên) Tiền thưởng		2.202.463

2.2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024 – 2025: Không có.

2.3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng ngày 31/12/2024

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư dự toán kho bạc	Đồng	0	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	1.072.759.257	Gồm các loại quỹ

2.4. Công khai số dư các loại quỹ tại kho bạc

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Đồng	228.828.429	
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	142.899	
3	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	24.110.690	
4	Quỹ khen thưởng	Đồng	639.993	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ngô Khắc Đức